

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2019/HS-PT

Ngày 24 - 01 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở

Ông Trần Nam Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 743 /2018/HSPT ngày 24 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; trú tại Xóm 5, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa 07/10; nghề nghiệp làm ruộng; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); vợ Phan Thị Kh và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1992); tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú - có mặt.

2. Nguyễn Trung Th, sinh năm 1956; trú tại Xóm 1, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa 10/10; nghề nghiệp cán bộ hưu trí; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị G; vợ Phan Thị B và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1990); nguyên là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; là thương binh hạng 4/4, là bệnh binh hạng 2/3; tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú - có mặt tại .

3. Nguyễn Tài L, sinh năm 1960; trú tại Xóm 4, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa 07/10; nghề nghiệp lao động tự do; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Tài Gi (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; vợ Nguyễn Thị L và có 02 con (con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990); nguyên là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Th:

Ông Lê Văn Kiên - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Ánh sáng công lý thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - có mặt.

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Ánh – Văn phòng luật Thăng Long – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:

Ông Lê Ngọc Hoàng và ông Quách Văn Chanh – Văn phòng luật sư Long Tâm – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ - Chủ tịch UBND huyện H, thành phố Hà Nội; địa chỉ trụ sở: Khu 5, thị trấn Trạm Trôi, huyện H, Hà Nội - vắng mặt.

2. UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q - Chủ tịch UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; địa chỉ trụ sở xã L, huyện H, thành phố Hà Nội vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971; Trú tại xóm 4, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội - vắng mặt;

4. Ông Phan Huy B, sinh năm 1968; Trú tại xóm 5, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội - vắng mặt;

5. Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1966; Trú tại xóm 5, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội - vắng mặt;

6. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954; Trú tại xóm 1, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân huyện H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện H đã lập phương án, kế hoạch và ra quyết định số 5881/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 phê duyệt cho UBND xã L, huyện H thực hiện việc dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp ở vùng bãi xã L năm 2012 - 2013. Trong đó, kế hoạch nêu rõ chỉ thực hiện dồn điền đổi thửa đối với đất nông nghiệp tại khu vực bãi L theo nguyên tắc: *“Giữ nguyên số nhân khẩu, định xuất, diện tích đã giao cho các hộ gia đình và cá nhân tại thời điểm giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài từ năm 1993 theo Nghị định 64 của Chính phủ...”*

Trước đó, ngày 12/7/2012, Đảng ủy xã L đã ra Quyết định số 06/QĐ-ĐU về việc thành lập Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng bãi xã L năm 2012 gồm 30 ông bà, (trong đó 01 trưởng ban, 01 phó ban thường trực; 02 phó ban và 26 ủy viên). Cùng ngày, UBND xã L ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc thành lập Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ, xã L. Theo đó Tiểu ban có 29 thành viên do Nguyễn Trung Th- Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân

xã L làm Trưởng tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, giải pháp và tổ chức triển khai thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn thôn đảm bảo đúng quy định, tổ chức họp dân tuyên truyền vận động nhân dân trong việc thực hiện phương án dồn điền đổi thửa.

Thực hiện phương án của UBND xã L, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ (sau đây gọi tắt là Tiểu ban) đã tổ chức họp dân để vận động người dân đồng ý thực hiện phương án dồn điền đổi thửa. Sau khi được người dân đồng ý thực hiện, Tiểu ban phân công các thành viên thành 05 tổ công tác tương ứng với 05 đơn vị xóm, do các ông Trưởng xóm làm tổ trưởng. Thống nhất xây dựng biểu mẫu kê khai diện tích đất bãi của hộ gia đình gồm 03 loại đất chính gồm:

- **Đất 10%:** là đất được giao theo khẩu năm 1987 với mức $50\text{m}^2/\text{khẩu}$.
- **Đất ngoài tán vải:** là đất xen canh với bãi cây vải được giao theo đầu hộ gia đình, tùy theo khu vực xóm có thể là 96m^2 , 72m^2 ...
- **Đất khác:** bao gồm đất đổi ngõ, đất cho giáo viên mượn,... và hợp đồng chăm sóc cây vải quả (sau này được thống nhất giao mức $15\text{m}^2/\text{suất}$ hợp đồng - gọi tắt là đất gốc vải).

Tổ công tác tại các xóm có nhiệm vụ phát tờ khai để các hộ dân tự kê khai diện tích dồn điền đổi thửa rồi thu lại để so sánh, đối chiếu diện tích hộ dân tự kê khai với giấy tờ người dân cung cấp (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ nộp thuế nông nghiệp, giấy tờ chuyển nhượng đất....) hoặc sổ theo dõi thu các khoản dịch vụ bãi của HTXNN Lo. Sau đó, các ông Trưởng xóm thực hiện lập danh sách diện tích dồn điền đổi thửa của từng hộ dân để báo cáo công khai với Tiểu ban. Tiểu ban chịu trách nhiệm lên lịch và tổ chức họp dân nhằm xét duyệt công khai diện tích đất dồn điền đổi thửa của từng hộ dân để người dân cùng tham gia, nếu người dân có kiến nghị, Tiểu ban sẽ ghi nhận và giải quyết. Sau khi chốt danh sách diện tích của từng hộ dân thì các ông Trưởng xóm sẽ giao danh sách diện tích của từng hộ để cán bộ địa chính nhập máy, lên sơ đồ giải thửa phục vụ giao đất cho người dân.

Quá trình điều tra xác minh đã làm rõ trong quá trình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, các bị cáo Nguyễn Trung Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tài L đã thực hiện các hành vi như sau:

Thứ nhất: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn kê khai không 196 m² đất khi dồn điền đổi thửa của Nguyễn Trung Th:

Năm 1999, UBND xã L triển khai thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân và thành lập các tổ công tác đo đạc đất tại các xóm, trong đó có xóm 1, thôn Đ gồm 04 thành viên là các ông Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu Nh, Nguyễn Đình L và Nguyễn Đình H do ông D - Trưởng xóm 1 làm tổ trưởng. Nguyễn Trung Th đã đề nghị với cán bộ địa chính xã L và tổ đo đạc đất tại xóm 1, thôn Đ, xã L đo đạc thực tế diện tích đất của 02 hộ là: Hộ Nguyễn Trung Th và hộ cụ T để Nguyễn Trung Th chuyển toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ T sang hộ Thành để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Trung Th. Vì vậy, tổ đo đạc đất xóm 1, Lo đã đo thực tế từng thửa đất của 02 hộ, riêng diện tích đất ngoài tán vãi thì không đo đạc mà chỉ tính theo định mức được giao chung là 96m²/hộ dân, gia đình cụ T có một thửa 96m² và gia đình Nguyễn Trung Th có 01 thửa 96m². Tổ đo đạc khẳng định việc đo đạc các thửa đất của hộ cụ T và hộ Nguyễn Trung Th theo đúng định mức giao đất chung chứ không có diện tích khai hoang, cải tạo mở rộng thêm. Sau đó, tổ đo đạc đã hoàn thiện các thủ tục theo quy định, trong đó có sơ đồ các thửa đất, chuyển đến UBND xã L để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Trung Th năm 1999 nêu trên.

Tuy nhiên, khi thực hiện dồn điền đổi thửa, tại tờ khai ngày 10/11/2012: Nguyễn Trung Th đã kê khai thêm 196m² (100m² đất 10% và 96m² đất ngoài tán vãi) từ hộ cụ T thông qua việc Nguyễn Trung Th tự ghi tờ khai và lập bản cam kết chuyển quyền sử dụng 196m² đất bãi và 195m² đất chăm sóc gốc vãi từ hộ ông Nguyễn Văn T (bản cam kết không ghi thời gian, do Nguyễn Trung Th tự viết và tự ký, ghi tên Nguyễn Văn T). Sau khi kê khai như trên thì tiểu ban đã xét duyệt và đã

chia cho hộ gia đình Nguyễn Trung Th phần diện tích đất này, hiện gia đình Th vẫn đang quản lý, sử dụng.

Hộ Nguyễn Trung Th còn nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn Th ở xóm 1, Lo, L, Hoài Đức tổng diện tích là **110m²** đất nông nghiệp khu bãi Lo gồm: 50m² đất 10% (chuyển nhượng ngày 02/7/2010) và 60m² đất ngoài tán vãi (Giấy chuyển nhượng ghi ngày 10/3/2013 có xác nhận của Trưởng xóm 1, nhưng thực tế hai bên khẳng định đã thực hiện chuyển nhượng từ thời điểm trước khi thực hiện dồn điền đổi thửa). Việc chuyển nhượng không thực hiện theo quy định, chỉ thể hiện bằng giấy chuyển nhượng viết tay giữa hai bên. UBND xã L xác định toàn bộ diện tích đất mà ông Nguyễn Văn Th chuyển nhượng cho hộ Nguyễn Trung Th là vượt quá định mức diện tích đất gia đình ông Th được giao theo sổ sách quản lý của UBND xã. Bản thân ông Th cũng khai nhận toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng cho hộ Nguyễn Trung Th là do gia đình ông Th tự khai hoang chứ không được giao theo quy định.

Tháng 6/2013, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ đã giao cho gia đình Nguyễn Trung Th **1.021m²** đất bãi (đã trừ đi **31.59m²** đất làm đường giao thông).

Ngày 16/12/2016, UBND huyện H đã ra Quyết định số 10032/QĐ-UBND về việc thu hồi GCN QSDĐ số N420152 do UBND huyện H cấp ngày 29/9/1999 cho hộ Nguyễn Trung Th nêu trên với lý do việc cấp GCN QSDĐ không đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Ngày 31/12/2016, UBND huyện H đã ra Quyết định số 11468/QĐ-UBND về việc thu hồi 196m² đất nông nghiệp khai khẩn nêu trên của hộ Nguyễn Trung Th.

Thứ hai: Đối với hành vi lập khống đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phan Huy B:

Khoảng đầu năm 2013, ông Phan Huy B (sinh năm 1968, HKTT tại xóm 5 thôn Đ, xã L) có nhu cầu chuyển nhượng đất bãi để lấy tiền làm nhà nên đã nhờ Nguyễn Trung Th và Nguyễn Văn H có chức vụ, quyền hạn là Trưởng xóm, kiêm

thành viên Tiểu ban đồn điền đổi thửa thôn Đ, tổ trưởng tổ công tác xóm 5 để tìm người nhận chuyển nhượng 292m² đất nông nghiệp tại khu vực Bãi Lo.

Sau khi biết ông Nguyễn Văn B (Sinh năm 1971 ở xóm 4, Lo, L, huyện H, Hà Nội) có nhu cầu nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, nên ngày 02/3/2013, Nguyễn Văn H tự tay viết nội dung chuyển nhượng và tự xác nhận với vai trò là Trưởng xóm 5 vào Đơn xin chuyển nhượng với nội dung ông Phan Huy B chuyển nhượng 292m² đất nông nghiệp ở khu vực bãi Lo cho ông Nguyễn Văn B. Sau đó, Nguyễn Trung Th ký và ghi tên “*Phan Huy B*” vào đơn xin chuyển nhượng và có xác nhận của ông Phan Huy Ch (Sinh năm 1954) và đóng dấu với chức vụ Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Lo, đồng thời là Phó Tiểu ban đồn điền đổi thửa thôn Đ. Sau khi nhận Giấy chuyển nhượng đất có đủ chữ ký và xác nhận của các ông nói trên. Ông Nguyễn Văn B đã trả cho Nguyễn Văn H số tiền 197.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng). Việc tự ý viết các nội dung, ký xác nhận với vai trò là Trưởng xóm 5, tự viết và ký tên “*Phan Huy Biên*” vào đơn xin chuyển nhượng ngày 02/3/2013 nêu trên, Nguyễn Trung Th và Nguyễn Văn H khai là do ông Phan Huy B nhờ làm và ký hộ. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền bán đất ông Hoàng đã chi tiêu hết vào việc cá nhân mà không giao lại cho gia đình ông Biên.

Do vậy, sau khi biết ông Biên không có nhu cầu bán đất nữa, mặc dù đã viết Giấy chuyển nhượng 292m² đất của ông Biên cho ông B nhưng khi thực hiện tổng hợp danh sách và giao đất đồn điền đổi thửa ở xóm 5 - thôn Đ thì Nguyễn Văn H vẫn lập danh sách và giao đầy đủ diện tích cho gia đình ông Phan Huy B mà không trừ đi 292m² đã chuyển nhượng cho ông B.

Tại cơ quan điều tra, ông Phan Huy B khai có nhờ ông Th và ông H tìm hộ người mua đất để bán lấy tiền xây nhà, nếu tìm được người mua thì ông Biên sẽ trực tiếp giao dịch và thực hiện việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, ông Biên không biết và không được Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung Th trao đổi gì về việc chuyển nhượng ngày 02/3/2013 nêu trên, nên gia đình ông Biên vẫn kê khai và được giao

đầy đủ diện tích đất bãi của gia đình mà không bị trừ đi phần diện tích 292m² đã chuyển nhượng.

Đến ngày 04/7/2014, UBND xã L ra thông báo thu hồi diện tích 292m² đất của ông B. Lúc này, do Nguyễn Văn H đã chi tiêu hết tiền nên đã nhờ Nguyễn Trung Th cho mượn 282m² đất bãi của ông Th để trả cho ông B. Hiện ông B chưa bàn giao đất giao thừa cho UBND xã quản lý. Hiện Nguyễn Văn H đã trả cho Nguyễn Trung Th số tiền 197.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu) tiền chuyển nhượng đối với diện tích 282m² đất bãi nêu trên.

Thứ ba: Đối với hành vi lập khống Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 240m² đất nông nghiệp từ ông Nguyễn Đăng Th sang ông Nguyễn Văn B.

Căn cứ các tài liệu điều tra xác minh đã làm rõ: Do Nguyễn Văn H biết ông Nguyễn Văn B (Sinh năm 1971, HKTT ở xóm 4, thôn Đ, xã L, huyện H, Hà Nội) có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp nên để có tiền lo các chi phí cho tiêu ban, đầu năm 2013 Nguyễn Văn H và Nguyễn Tài L (Sinh năm 1960, HKTT xóm 4, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội) - chức vụ: Phó chủ nhiệm HTXNN L đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất lập khống giấy chuyển nhượng 240m² đất nông nghiệp ở bãi Lo cho ông Nguyễn Văn B và nhận số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) (*trong đó Nguyễn Văn H nhận 50.000.000 đồng và Nguyễn Tài L nhận 90.000.000 đồng*). Theo đó, giấy chuyển nhượng ghi bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Đăng Th (sinh năm 1963, HKTT ở xóm 5, thôn Đ, L, huyện H, Hà Nội). Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra, ông Nguyễn Đăng Th khai nhận không biết việc chuyển nhượng nêu trên vì thực tế ông Th cũng không có thửa đất này. Nguyễn Văn H thừa nhận Giấy chuyển nhượng do Nguyễn Văn H tự viết và ký tên “*Nguyễn Đăng Th*” vào bên chuyển nhượng, ký xác nhận tên “*Nguyễn Văn H*” với vai trò là Trưởng xóm 5 và Nguyễn Tài L ký xác nhận là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Lo. Sau đó, lợi dụng việc dồn điền đổi thửa, Nguyễn Văn H đã thực hiện kê khai danh sách, lên sơ đồ để tổ công tác chia

cho ông B 240m² đất nông nghiệp tại khu vực đất dồn điền đổi thửa thuộc khu vực xóm 5, thôn Đ.

Căn cứ tài liệu xác minh tại UBND xã L, trích lục thửa đất và bản đồ dồn điền đổi thửa xác định vị trí thửa đất có diện tích 240m² Nguyễn Văn H kê khai danh sách và lên sơ đồ để chia cho ông B có nguồn gốc là đất công do UBND xã L quản lý.

Căn cứ vào danh sách và sơ đồ do Nguyễn Văn H kê khai, tổ công tác đã chia cho ông Nguyễn Văn B thửa đất có vị trí giáp với thửa đất của hộ ông Nguyễn Đăng T. Tuy nhiên, do thửa đất của ông T có tranh chấp mốc giới với thửa đất ông Nguyễn Xuân Mùi (giáp nhà ông T) nên tổ công tác chỉ giao thửa đất cho ông Nguyễn Văn B có vị trí là phía Đông và phía Bắc tiếp giáp với khu đất công ích, phía Nam tiếp giáp với thửa đất của hộ ông Nguyễn Đăng T, phía Tây tiếp giáp với cống nước và đường bê tông tuyến số 1 (theo phân tuyến khi dồn điền đổi thửa) mà chưa xác định được mốc giới cụ thể. Ông B đã nhận, quản lý thửa đất và làm lối đi bằng bê tông qua cống nước đi vào thửa đất, trên thửa đất hiện ông B trồng cây chuối, không có công trình xây dựng.

Sau khi UBND xã phát hiện việc chuyển nhượng 240m² đất nông nghiệp nêu trên là vi phạm pháp luật thì Nguyễn Văn H và Nguyễn Tài L đã trả lại số tiền đã nhận cho ông B. Ông Nguyễn Văn B đã giao nộp Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên (giữa ông Nguyễn Đăng Th cho ông Nguyễn Văn B) cho UBND xã L, nhưng cán bộ tiếp nhận tài liệu đã làm thất lạc, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không thu giữ được mà chỉ thu thập được giấy biên nhận tài liệu mà cán bộ UBND xã đã lập khi nhận Giấy chuyển nhượng này của ông B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 05/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận:

- 196m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác thuộc khu bãi Lo, xóm 1, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội được giao cho hộ ông Nguyễn Trung Th khi dồn điền đổi thửa năm 2013. Theo các văn bản nhà nước có giá 31.752.000

đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Theo khảo sát từ một số hộ dân có giá trên thị trường 176.400.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);

- 292m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác thuộc khu bãi Lo, xóm 4, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội được giao cho hộ ông Nguyễn Văn B - Sinh năm 1971 khi dồn điền đổi thửa năm 2013. Theo các văn bản nhà nước có giá **47.304.000** đồng (Bốn mươi bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng). Theo khảo sát từ một số hộ dân có giá trên thị trường 262.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng);

- 240m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác thuộc khu bãi Lo, xóm 5, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội được giao cho hộ ông Nguyễn Văn B - Sinh năm 1971 khi dồn điền đổi thửa năm 2013. Theo các văn bản nhà nước có giá **38.880.000** đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Theo khảo sát từ một số hộ dân có giá trên thị trường 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

Đối với Nguyễn Trung Th:

- Về hành vi giao đất không đúng quy định: Nguyễn Trung Th với tư cách là Trưởng tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ đã cùng với các thành viên của Tiểu ban dồn điền đổi thửa bàn bạc, tự ý tổ chức họp dân và quyết định thanh lý hợp đồng chăm sóc cây vải trước hạn bằng việc giao đất. Tổng số diện tích đất nông nghiệp (đất gốc vải) giao trái quy định của pháp luật là 20.130 m² cho 337 hộ dân. Căn cứ các tài liệu điều tra xác minh và thu thập được xác định việc giao 20.130m² đất gốc vải không đúng quy định nêu trên có liên quan đến trách nhiệm của Tiểu ban dồn điền đổi thửa và Ban dồn điền đổi thửa trong việc thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát nên đã không phát hiện kịp thời hành vi giao đất trái quy định. Do cần thiết phải thu thập tài liệu và yêu cầu của những người liên quan là 337 hộ dân được giao đất nêu trên nên ngày 12/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định số 06 tách phần tài liệu điều tra liên quan đến việc giao

20.130m² đất nông nghiệp (đất gốc vải được chia 15m²/suất cho các hộ dân) không đúng quy định của pháp luật khi thực hiện công tác dồn điền đổi thửa năm 2012 - 2013 của Tiểu ban dồn điền đổi thửa tại thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung Th, Nguyễn Tài L phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 281, Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 281, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Th 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 281, Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tài L 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2018, bị cáo Nguyễn Trung Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo không đúng người, đúng tội;

Ngày 10 và ngày 13/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội nhiều lần là không đúng; xét xử chưa đúng người, đúng tội;

Ngày 10/9/2018, bị cáo Nguyễn Tài L có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử đúng người đúng tội và xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án cho rằng Việc Cơ quan điều tra vụ án cấp sơ thẩm tách hành vi giao đất trái thẩm quyền 20.130m² để tiếp tục điều tra với lý do để tiếp tục điều tra xác minh và theo yêu cầu của những người liên quan là không đúng với quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự; việc tách vụ án đã làm ảnh hưởng đến việc đánh giá tính chất, mức độ vai trò của các bị cáo và các đối tượng liên quan trong vụ án. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H giải quyết theo thủ tục chung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Th trình bày: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo Th đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để kê khai không 196 m² đất là không đúng và không có cơ sở vì việc kê khai quyền sử dụng đất thì bất kể ai cũng có quyền kê khai; năm 2013, gia đình ông Th đã hợp và giao diện tích đất 196 m² của bố mẹ (ông Ty) cho ông Th quản lý và sử dụng nên ông Th đã kê khai để được cấp cho hộ gia đình ông (thể hiện hồ sơ kê khai quyền sử dụng đất của hộ ông Th); bản án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của một số người làm chứng để lập luận cho rằng diện tích đất trên của bố mẹ ông Th đã nhập vào phần đất của hộ ông Th để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là không có cơ sở, bởi lẽ không có tài liệu chứng cứ pháp lý nào chứng minh. Căn cứ vào quy định của pháp luật thì bị cáo Th không có hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Đề nghị hủy

một phần bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Th không phạm tội và đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo Th.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: Về tố tụng Bản án sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 mà không áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo là không đúng với tinh thần Nghị quyết số 11 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nội dung, bị cáo không có hành vi nhận 50.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn B, số tiền trên bị cáo vay của bị cáo Nguyễn Tài L và sau đó đã trả đầy đủ. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 là không đúng mà cần xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, đề nghị xử phạt bị cáo thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Căn cứ lời khai của các bị cáo, lời khai của những người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2013: Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện H đã lập phương án, kế hoạch và ra quyết định số 5881/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 phê duyệt cho UBND xã L, huyện H thực hiện việc dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp ở vùng bãi xã L năm 2012 - 2013 trên nguyên tắc: “Giữ nguyên số nhân khẩu, định xuất, diện tích đã

giao cho các hộ gia đình và cá nhân tại thời điểm giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài từ năm 1993 theo Nghị định 64 của Chính phủ...”. Đảng ủy xã L đã ra Quyết định số 06/QĐ-ĐU về việc thành lập Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng bãi xã L năm 2012 gồm 30 ông bà, (trong đó 01 trưởng ban, 01 phó ban thường trực; 02 phó ban và 26 ủy viên) và Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc thành lập Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ, xã L. Theo đó Tiểu ban có 29 thành viên do Nguyễn Trung Th- Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã L làm Trưởng tiểu ban. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Tài L là ủy viên. Tiểu ban trên có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, giải pháp và tổ chức triển khai thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn thôn đảm bảo đúng quy định, tổ chức họp dân tuyên truyền vận động nhân dân trong việc thực hiện phương án dồn điền đổi thửa.

Thực hiện phương án của UBND xã L, Tiểu ban dồn điền đổi thửa (viết tắt là tiểu ban) đã tổ chức họp dân để vận động người dân đồng ý thực hiện phương án dồn điền đổi thửa. Sau khi được người dân đồng ý thực hiện, Tiểu ban phân công các thành viên thành 5 tổ công tác tương ứng với 5 đơn vị xóm, do các ông Trưởng xóm làm tổ trưởng. Thống nhất xây dựng biểu mẫu kê khai diện tích đất bãi của hộ gia đình gồm 3 loại đất:

- + Đất 10%: là đất được giao theo khẩu năm 1987 với mức $50\text{m}^2/1$ khẩu;
- + Đất ngoài tán vãi: Là đất xenm canh với bãi cây vãi được giao theo đầu hộ gia đình, tùy theo khu vực xóm có thể là 96 m^2 , 72 m^2 ;
- + Đất khác: Bao gồm đất đổi ngõ, đất cho giáo viên mượn và hợp đồng chăm sóc cây vãi quả (sau này được thống nhất giao mức $15\text{m}^2/\text{suất}$ hợp đồng, gọi tắt là đất gốc vãi - đây là đất công do UBND xã quản lý).

Khi tiến hành công tác dồn điền đổi thửa, tại thôn Đ còn tồn tại các hợp đồng giao thầu chăm sóc cây vãi quả tại khu vực bãi Lo do HTXNN Lo giao thầu cho người dân trong thời hạn 20 năm (từ 1995 đến 2015).

Ngày 20/4/2013, Nguyễn Trung Th đã chủ trì họp tiểu ban và thống nhất về việc thanh lý hợp đồng chăm sóc cây vãi quả trước thời hạn với hình thức Là giao

diện tích đất theo hợp đồng là 15 m²/suất HD (BL725). Tiểu ban đã tổ chức họp dân và được dân đồng ý. Trước khi giao đất cho dân, ngày 31/5/2013, Tiểu ban đã tổ chức họp tiểu ban mở rộng (gồm các thành viên của tiểu ban và 50 ông bà đại diện cho 5 xóm) để công khai chủ trương dồn điền đổi thửa, trong đó có việc thanh lý hợp đồng chăm sóc cây vải quả trên (BL728). Sau đó, Tiểu ban đã tổ chức cho người dân bốc thăm vị trí thửa đất của gia đình mình và tiến hành giao đất cho các hộ. Kết quả tổng số diện tích đất giao cho các hộ là 20.130 m², trong đó hộ gia đình Nguyễn Trung Th được giao 255m² đất. Đây là đất công do UBND xã quản lý, không thuộc diện giao cho các hộ dân. Việc Tiểu ban giao diện tích đất cho các hộ gia đình gây thiệt hại cho nhà nước 3.261.060.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Trung Th còn có hành vi kê khai không diện tích 196 m² đất để được giao; Nguyễn Văn H, Nguyễn Tài L lợi dụng là thành viên tiểu ban dồn điền đổi thửa đã lập không giấy chuyển nhượng 240m² đất nông nghiệp ở bãi Lo (bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Đăng Th chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn B) và nhận số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) (*trong đó Nguyễn Văn H nhận 50.000.000 đồng và Nguyễn Tài L nhận 90.000.000 đồng*); lợi dụng việc dồn điền đổi thửa, Nguyễn Văn H đã thực hiện kê khai danh sách, lên sơ đồ để tổ công tác chia cho ông B 240m² đất nông nghiệp tại khu vực đất dồn điền đổi thửa thuộc khu vực xóm 5, thôn Đ. Ngoài ra, Nguyễn Văn H còn lợi dụng là Trưởng xóm, kiêm thành viên Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ, tổ trưởng tổ công tác xóm 5 tuy biết ông Phan Huy B không có nhu cầu chuyển nhượng đất nông nghiệp, nhưng Nguyễn Văn H vẫn lập hợp đồng chuyển nhượng nội dung ông Phan Huy B chuyển nhượng 292m² đất nông nghiệp ở khu vực bãi Lo cho ông Nguyễn Văn B. Sau đó, Nguyễn Trung Th ký và ghi tên “*Phan Huy Biên*” vào đơn xin chuyển nhượng và có xác nhận của ông Phan Huy Chung và đóng dấu với chức vụ Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Lo, đồng thời là Phó Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Đ. Sau khi nhận Giấy chuyển nhượng đất có đủ chữ ký và xác nhận của các ông nói trên. Ông Nguyễn Văn B đã trả cho Nguyễn Văn H số tiền 197.000.000

đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng); khi thực hiện tổng hợp danh sách và giao đất dồn điền đổi thửa ở xóm 5 - thôn Đ thì Nguyễn Văn H vẫn lập danh sách và giao đầy đủ diện tích cho gia đình ông Phan Huy B và làm thủ xét duyệt cho ông Nguyễn Văn B được nhận 292m² đất chuyển nhượng từ ông Phan Huy B.

Xét thấy, hành vi giao trái thẩm quyền 20.130 m² cho các hộ gia đình nêu trên của Tiểu ban dồn điền đổi thửa (trong đó bị cáo Nguyễn Trung Th là trưởng tiểu ban, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Tài L là thành viên của tiểu ban) có dấu hiệu phạm tội theo quy định tại Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999. Để cho các thành viên trong Tiểu ban dồn điền đổi thửa có hành vi giao đất trái thẩm quyền nêu trên, có trách nhiệm của các thành viên trong Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng bãi xã L năm 2012. Hành vi thiếu trách nhiệm của Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa có dấu hiệu phạm tội theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tách hành vi giao đất trái thẩm quyền 20.130 m² nêu trên để điều tra làm rõ xử lý sau là không đúng với quy định tại Điều 170 Bộ luật Tố tụng hình sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc tách hành vi nêu trên đã ảnh hưởng đến việc đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, vai trò đối với các bị cáo Th, H, L và các đối tượng khác trong Ban dồn điền đổi thửa; cũng như làm ảnh hưởng đến việc đánh giá toàn bộ vụ án liên quan đến thực hiện chủ trương, chính sách của nhà nước về công tác dồn điền đổi thửa tại thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, để có cơ sở giải quyết vụ án đúng pháp luật cần điều tra làm rõ động cơ, mục đích phạm tội, thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội gây ra.

Từ phân tích trên cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H giải quyết theo thủ tục chung. Việc Cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi vì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong đó có nội dung yêu cầu xử lý đối với những người liên quan đến việc giao đất trái thẩm quyền diện tích đất

20.130m² như đã phân tích ở trên và trách nhiệm của Ban chỉ đạo đồn điền đổi thửa xã L.

[3].Về án phí: Theo qui định của pháp luật, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội để điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Trung Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tài L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 24/01/2019.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa